

Số: /KH-KHCN

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2022

## **KẾ HOẠCH**

### **Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2023**

Thực hiện Công văn số 683/BKHCN-KHTC ngày 31/3/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ (KH&CN) năm 2023; Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo (KH, CN, ĐMST) năm 2023 với các nội dung cụ thể như sau:

#### **A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KH, CN, ĐMST VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2022**

##### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM**

###### **1. Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng**

Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành “Nghị quyết quy định mức hỗ trợ áp dụng hệ thống, công cụ quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn và áp dụng truy xuất nguồn gốc” (Cụ thể: Trình UBND tỉnh tháng 10/2022 và trình HĐND tỉnh tháng 12/2022) nhằm đảm bảo sự phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và quy định của Trung ương, hoàn thiện hệ thống pháp lý trong công tác tham mưu tổ chức lập và thực hiện kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo thẩm quyền được phân cấp.

Tiếp nhận 87 hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu đối với các sản phẩm thép, điện, điện tử. Thẩm định có 65 hồ sơ nhập khẩu sản phẩm thép và điện, điện tử đảm bảo yêu cầu chất lượng nhập khẩu.

Tổ chức khảo sát chất lượng đối với các sản phẩm, thực phẩm trong lưu thông kết quả phát hiện 30 sản phẩm thực phẩm lưu thông có vấn đề trong ghi nhãn hàng hóa và định lượng hàng đóng gói sẵn. Gửi 09 mẫu thực phẩm, nước giải khát đi phân tích chất lượng tại PTN số 1 – Công ty Vinacontrol, kết quả đảm bảo chất lượng đồng thời hướng dẫn các cơ quan liên quan nắm bắt và hướng xử lý đối với sản phẩm thực phẩm có vấn đề trong ghi nhãn hàng hóa, định lượng hàng đóng gói sẵn. Hỗ trợ 03 doanh nghiệp có sản phẩm được chứng nhận hợp chuẩn. Thông báo tiếp nhận công bố hợp chuẩn: Công bố hợp chuẩn vàng thương phẩm phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 7054:2014 đối với Doanh nghiệp tư nhân Ngô Hồng Linh Trang; Công bố hợp chuẩn phù hợp Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của Công ty TNHH Thắng Lợi; Công bố hợp chuẩn phù hợp Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của Công ty TNHH Phương Sơn; Công bố hợp chuẩn của Công ty Cổ phần Sinh thái Nông Việt đối với Chế phẩm vi sinh vật phân giải Xenlulo Novi Eco Fungi CT (dạng lỏng) và Chế phẩm vi sinh vật phân giải Xenlulo Trichoderma Novi Eco

BioGreen – chất mang không thanh trùng (dạng rắn) phù hợp với Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 6168:2002. Hướng dẫn 02 doanh nghiệp (Công ty Cổ Phần Tổng Công Ty May Bắc Giang LGG và Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam)) hoàn thiện hồ sơ, thủ tục phục vụ tham dự Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2022. Biên tập, cập nhật Bản tin TBT điện tử; tuyên truyền về Hiệp định TBT và hàng rào kỹ thuật trong thương mại. Tham gia các đoàn thanh tra về việc chấp hành các quy định của pháp luật về đo lường đối với các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn; việc chấp hành pháp luật trong hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh.

Đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn tỉnh có 253 cơ quan, đơn vị đã xây dựng, chuyển đổi và áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015. Trong đó có: 41 cơ quan thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng (đạt 100%); 212 đơn vị thuộc đối tượng khuyến khích áp dụng gồm 209 UBND cấp xã (đạt 100%) và 3 đơn vị sự nghiệp; Năm 2021: Thực hiện đánh giá, chấm điểm trên hồ sơ của 40/40 cơ quan (đạt 100%). Có 31/40 cơ quan (đạt 77,5%) đạt từ 90 điểm trở lên (thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL ở từ 90% - 100% số điểm); Có 9/40 cơ quan (đạt 22,5%) đạt từ 80 điểm đến dưới 90 điểm: thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL ở mức tốt; Công tác xây dựng kế hoạch năm 2022: Tính đến thời điểm 15/5/2022, có 28/41 (đạt 68,29%) cơ quan thuộc đối tượng bắt buộc gửi Kế hoạch xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng năm 2022 về Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Hướng dẫn các đơn vị áp dụng thử nghiệm mã QR vào hoạt động quản lý điều hành và giải quyết thủ tục hành chính.

Triển khai có hiệu quả một số kế hoạch được giao cụ thể như sau:

- Đối với Kế hoạch số 409/KH-UBND ngày 30/8/2021 triển khai Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bắc Giang: Ban hành Kế hoạch số 34/KH-KHCN ngày 16/2/2022 của Sở KHCN triển khai Kế hoạch số 409/KH-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh năm 2022; thực hiện khảo sát việc quản lý, sử dụng phương tiện đo tại các doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã lựa chọn 03 doanh nghiệp tham gia chương trình đảm bảo đo lường. Triển khai chương trình đảm bảo đo lường tại doanh nghiệp, tổ chức dịch vụ kiểm định hiệu chuẩn để triển khai kiểm định lưu động tại các chợ trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch, mua sắm chuẩn đo lường, phương tiện đo theo kế hoạch đã được phê duyệt. Xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng đóng gói sẵn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và tổ chức thực hiện việc kiểm tra nhà nước về đo lường đối với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng đóng gói sẵn trên địa bàn tỉnh theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Đối với Kế hoạch số 408/KH-UBND ngày 26/6/2021 của UBND tỉnh nâng cao năng suất và chất lượng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025: Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố phối hợp triển khai 5S

trong trường học. Phối hợp với Viện Năng suất Việt Nam triển khai dự án (khảo sát, xây dựng kế hoạch thực hiện) và triển khai mô hình điểm áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tại bệnh viện sản nhi Bắc Giang.

- Đối với Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 16/8/2020 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025: Tổ chức 02 Hội nghị về truy xuất nguồn gốc (gồm: Hội nghị tập huấn kiến thức, nghiệp vụ về truy xuất nguồn gốc tại Sở KH&CN và Hội nghị hướng dẫn thiết lập Hệ thống truy xuất nguồn gốc tại huyện Lục Ngạn). Lựa chọn Công ty TNHH Kim Tân Minh tham gia mô hình điểm về truy xuất nguồn gốc.

- Đối với xây dựng mô hình chuyển đổi số cấp xã tại UBND xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn và UBND xã Phúc Hòa huyện Tân Yên: Ban hành Kế hoạch số 7/KH-KH&CN ngày 12/01/2022 của Sở KH&CN thực hiện mô hình chuyển đổi số cấp xã tại UBND xã Hồng Giang, Lục Ngạn và Kế hoạch số 64/KH-KH&CN ngày 09/5/2022 của Sở KH&CN thực hiện mô hình chuyển đổi số cấp xã tại UBND xã Phúc Hòa (Tân Yên) và UBND xã Hồng Giang (Lục Ngạn).

Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường; thẩm định hồ sơ phê duyệt chuẩn đo lường quốc gia. Thực hiện giám định, kiểm tra đo lường xác định sai số phương tiện đo theo yêu cầu của cơ quan đơn vị; Kiểm định trên 4.725/10.000 phương tiện đo các loại; Phân tích, thử nghiệm trên 300/700 mẫu hàng hóa (mẫu than)/700 mẫu hàng hóa các loại.

## **2. Hoạt động sở hữu trí tuệ, sáng kiến**

### **2.1. Hoạt động sở hữu trí tuệ**

Tham mưu UBND tỉnh ban hành “Quy chế phối hợp liên ngành trong hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang” (Ban hành tháng 8/2022).

Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thành công hội nghị toàn quốc về sở hữu trí tuệ năm 2022, triển khai nhiệm vụ xây dựng, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Tân Yên” cho sản phẩm vải thiều chín sớm của huyện Tân Yên.

Triển khai Kế hoạch số 488/KH-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đảm bảo đúng tiến độ, nội dung gồm: Xây dựng Kế hoạch số 8/KH-KH&CN ngày 13/01/2022 của Sở KH&CN triển khai Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thực hiện năm 2022. Theo đó 6 tháng đầu năm đã đạt kết quả như sau: Xây dựng chuyên mục tuyên truyền về sở hữu trí tuệ trên Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh để tuyên truyền Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 26/4, tổ chức 03 lớp tập huấn về sở hữu trí tuệ, quy trình/quy định sản xuất, chất lượng sản phẩm cho cán bộ quản lý; triển khai 13 đề tài, dự án KH&CN liên quan đến việc đăng ký bảo hộ các sản phẩm mới, hỗ trợ phát triển các sản phẩm đã được bảo hộ; triển khai thực hiện đăng ký nhãn hiệu chứng nhận Dứa Lạng Giang.

Tiếp tục tư vấn, hỗ trợ các tổ chức cá nhân trên địa bàn tỉnh về đăng ký, xác lập quyền sở hữu công nghiệp, sản phẩm OCOP của các địa phương trên địa bàn tỉnh.

Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ gồm 60 hồ sơ. Số đơn nộp đăng ký quyền sở hữu trí tuệ gồm 88 đơn. Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ gồm 10 dự án.

## **2.2. Hoạt động sáng kiến**

Tổ chức họp Hội đồng Sáng kiến tỉnh đối với 102 Hồ sơ đề nghị xét, công nhận phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến cấp tỉnh đợt 2 năm 2021; kết quả có 68 sáng kiến được công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh<sup>1</sup>.

## **3. Công tác đánh giá, thẩm định và giám định công nghệ, năng lượng nguyên tử, phát triển doanh nghiệp KH&CN, thị trường KH&CN và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo**

Trong 6 tháng đầu năm, công tác thẩm định công nghệ các dự án thu hút đầu tư được nâng cao, đã tổ chức thành lập Hội đồng thẩm định được cho 05 dự án khi được yêu cầu, đồng thời cho ý kiến về công nghệ với 22 dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn cho 02 Doanh nghiệp thành lập doanh nghiệp KH&CN. Thẩm định, cấp phép hoạt động cho 08 cơ sở đạt tiêu chuẩn an toàn bức xạ.

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 564/KH-UBND tỉnh ngày 04/11/2021 về Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 đúng thời gian, đảm bảo chất lượng với mục đích tiếp tục hoàn thiện và triển khai thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách liên quan đến hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Kết quả đạt được: Xây dựng Kế hoạch số 37/KH-KHCN ngày 21/02/2022 của Sở KH&CN triển khai thực hiện Kế hoạch số 564/KH-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2022; phối hợp với Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt-Hàn Bắc Giang tổ chức tọa đàm về hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Xây dựng Kế hoạch số 41/KH-KHCN ngày 23/02/2022 của Sở KH&CN triển khai Đề án phát triển thị trường KH&CN của Sở KH&CN năm 2022 để triển khai thực hiện Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án Phát triển thị trường KH&CN tỉnh Bắc Giang đến năm 2030.

Tham mưu UBND tỉnh triển khai nội dung phối hợp với Quỹ Khởi nghiệp Doanh nghiệp KH&CN Việt Nam hỗ trợ giới thiệu các dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất tiêu biểu trên địa bàn tỉnh tham gia vào chương trình do Quỹ Khởi nghiệp Doanh nghiệp KH&CN Việt Nam tổ chức.

## **4. Hoạt động nghiên cứu ứng dụng**

Trong 6 tháng đầu năm 2022, nhằm đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng, hiệu quả các đề tài, dự án KH&CN; Sở KH&CN đã tổ chức họp hội đồng nghiệm thu 03 nhiệm vụ; họp 06 hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN<sup>2</sup>; họp 05 hội đồng tư vấn chuyên chọn, giao trực tiếp<sup>3</sup>; họp 04 tổ thẩm định kinh phí<sup>4</sup>

<sup>1</sup> Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc công nhận sang kiến có phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh (đợt 2/2021) và Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc công nhận sang kiến có phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh (Bổ sung đợt 2/2021).

<sup>2</sup> Gồm: 04 nhiệm vụ cấp quốc gia, 02 nhiệm vụ cấp cơ sở.

<sup>3</sup> Gồm: 03 nhiệm vụ cấp tỉnh, 02 nhiệm vụ cấp cơ sở.

cho các nhiệm vụ KH&CN. Đồng thời tổ chức kiểm tra tiến độ đối với 08 nhiệm vụ KH&CN<sup>5</sup>. Tham mưu ký hợp đồng thực hiện 40 nhiệm vụ KH&CN bắt đầu thực hiện năm 2022<sup>6</sup>. Đồng thời hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thủ tục đăng ký, đề xuất, triển khai nghiên cứu KH&CN trên địa bàn tỉnh.

Sở KH&CN quản lý 98 nhiệm vụ KH&CN bao gồm cả chuyển tiếp từ các năm trước và bắt đầu thực hiện năm 2022 triển khai trên địa bàn tỉnh trên tất cả các lĩnh vực<sup>7</sup>. Các nhiệm vụ đã hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ cao cho các sản phẩm chủ lực và cung cấp các tiến bộ khoa học kỹ thuật để nhân rộng. Điển hình là một số nhiệm vụ như sau:

#### **4.1. Kết quả triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia**

Trong 6 tháng đầu năm, Sở KH&CN quản lý 11 nhiệm vụ KH&CN, tập trung vào một số lĩnh vực như sau:

*Trong trồng trọt gồm các nhiệm vụ:* Nghiên cứu sản xuất và sử dụng phân bón chuyên dùng cho cây vải thiều; ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ sản xuất nhãn chín muộn PHM99-1.1, bưởi đỏ Hòa Bình và ổi ODL1 tại huyện Tân Yên; Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP tại huyện Yên Dũng; Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình nhân giống, trồng và sơ chế cây ba kích, cà gai leo đạt tiêu chuẩn GACP-WHO; ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình nhân giống, trồng, thu hái, sơ chế bảo quản cát sâm, sâm cau theo GACP-WHO và làm nguyên liệu sản xuất cao sâm cau lâm dược.

*Trong chăn nuôi gồm các nhiệm vụ:* Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình chăn nuôi gà lai hướng trứng HA theo chuỗi giá trị phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình chăn nuôi bò thịt lai Blanc-Blue-Belge thương phẩm thành hàng hóa; ứng dụng tiến bộ KH&CN trong nuôi lợn sinh sản và thương phẩm 4 máu; ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi ba ba gai (*Trionyx steinachderri*) thương phẩm; ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình chăn nuôi ngựa bạch tại huyện Lục Ngạn; ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình chăn nuôi lợn rừng sinh sản và thương phẩm đảm bảo an toàn sinh học và theo hướng hữu cơ.

#### **4.2. Kết quả triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Sở KH&CN quản lý 48 nhiệm vụ KH&CN, tập trung vào một số lĩnh vực như sau:

- *Lĩnh vực trồng trọt gồm một số nhiệm vụ tiêu biểu:*

Triển khai đề tài “Nghiên cứu, ứng dụng chế phẩm nano thảo mộc (từ củ nghệ) phòng bệnh thán thư trên cây vải tại tỉnh Bắc Giang” nhằm ứng dụng thành công công nghệ bào chế chế phẩm nano thảo mộc từ củ nghệ phòng trừ bệnh thán

<sup>4</sup> Gồm: 04 nhiệm vụ cấp tỉnh, 02 nhiệm vụ cấp cơ sở.

<sup>5</sup> Gồm: 03 nhiệm vụ cấp quốc gia, 01 nhiệm vụ cấp tỉnh, 04 nhiệm vụ cơ sở.

<sup>6</sup> Gồm: 14 nhiệm vụ cấp tỉnh, 26 nhiệm vụ cấp cơ sở.

<sup>7</sup> Gồm: 11 nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, 48 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, 39 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

thư có hiệu quả trên cây vải đồng thời xây dựng thành công mô hình sử dụng chế phẩm nano thảo mộc phòng trừ bệnh thán thư trên cây vải sớm tại huyện Tân Yên và vải chính vụ tại huyện Lục Ngạn, hiệu quả phòng trừ bệnh tối thiểu 50%; dự án “Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm một số dòng, giống bơ (MC17, Chopuete)” nhằm đánh giá khả năng phát triển giống bơ tại tỉnh Bắc Giang; xây dựng mô hình trồng thử nghiệm 2 dòng, giống bơ quy mô 07 ha (trồng thuần, xen canh), tỷ lệ cây bơ sống đạt trên 95%, tỷ lệ cây bơ trồng từ cây giống 1 năm tuổi cho quả đạt trên 70% và năng suất trung bình đạt trên 5 kg/cây. Hoàn thiện Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc 2 dòng, giống bơ phù hợp với điều kiện sinh thái tỉnh Bắc Giang; dự án “Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình phát triển giống vú sữa Tân Yên” để xây dựng mô hình vườn ươm nhân giống vú sữa bằng phương pháp ghép quy mô 1.000 m<sup>2</sup>, sản xuất được 15.000 cây giống khỏe, sạch bệnh, đạt tiêu chuẩn xuất vườn và xây dựng mô hình trồng mới cây vú sữa quy mô 15 ha, tỷ lệ sống đạt trên 95%, cây 2 năm tuổi có chiều cao cây trung bình đạt 1,2 m, đường kính tán đạt 1,0 m...

- *Lĩnh vực chăn nuôi*: Nghiên cứu đặc điểm tình hình bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và biện pháp phòng, chống; nghiên cứu đặc điểm dịch tễ và biện pháp phòng chống bệnh Viêm da nổi cục ở trâu, bò trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để cải tạo và phát triển đàn dê lai trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất con lai F1 Trĩ – Gà tạo sản phẩm gia cầm mới trên địa bàn tỉnh.

- *Lĩnh vực y, dược*:

Nghiên cứu thực trạng sử dụng một số thuốc bảo vệ thực vật thường dùng, chất lượng môi trường và sức khỏe người dân vùng trồng cây ăn quả huyện Lục Ngạn.

Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình sản xuất và phát triển nấm lim xanh tại huyện Sơn Động. Xây dựng mô hình sản xuất nấm lim xanh trong lán trại và dưới tán rừng tự nhiên. Năng suất trung bình đạt trên 22 kg nấm khô/tấn nguyên liệu, hàm lượng polysaccharide tổng số đạt trên 1,2%. Xây dựng mô hình sản xuất sản phẩm từ nấm lim xanh, gồm: 1.000 hộp trà túi lọc, 1.000 hộp trà hòa tan, 500 chai rượu truyền thống ngâm nấm lim xanh, chất lượng đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định. Hoàn thiện Quy trình kỹ thuật trồng nấm lim xanh và Quy trình kỹ thuật sản xuất các sản phẩm từ nấm lim xanh phù hợp với điều kiện địa phương.

Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất kế hoạch bảo tồn, phát triển một số loài cây thuốc có hiệu quả kinh tế cao tại tỉnh Bắc Giang. Triển khai nghiên cứu đánh giá đặc điểm nông sinh học và giá trị dược liệu của cây Ngải trồng trên địa bàn huyện Sơn Động.

Nghiên cứu đánh giá đặc điểm nông sinh học và giá trị dược liệu của cây Ngải trồng trên địa bàn huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Thực trạng bệnh thiếu máu thiếu sắt, Thalasemia ở học sinh 12-18 tuổi tại huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, đề xuất một số giải pháp phòng ngừa giai đoạn 2023-2030

- *Lĩnh vực KHXH&NV, giáo dục*:

Nghiên cứu bảo tồn âm nhạc dân gian của dân tộc Cao Lan trên địa bàn tỉnh Bắc Giang góp phần phục vụ phát triển du lịch cộng đồng. Đánh giá thực trạng âm nhạc dân gian của dân tộc Cao Lan trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu đặc điểm của âm nhạc dân gian còn tồn tại trong đời sống cộng đồng người Cao Lan tỉnh Bắc Giang. Đề xuất giải pháp bảo tồn, phát triển âm nhạc dân gian của dân tộc Cao Lan góp phần phát triển du lịch cộng đồng. Bảo tồn, phát huy giá trị các địa điểm di tích những lần Bác Hồ về thăm tỉnh Bắc Giang. Nghiên cứu bối cảnh, mục đích, hoạt động của Bác Hồ trong những lần Bác Hồ về thăm tỉnh Bắc Giang, từ đó nhận diện sâu sắc giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học gắn với di sản tư tưởng Hồ Chí Minh qua những lần Bác Hồ về thăm tỉnh Bắc Giang. Đánh giá thực trạng các nguồn tài liệu, hiện vật, di tích liên quan đến hoạt động của Bác Hồ những lần Bác Hồ về thăm tỉnh Bắc Giang. Đề xuất giải pháp bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các địa điểm di tích những lần Bác Hồ về thăm tỉnh Bắc Giang. Phát huy vai trò giá trị chùa Am Vãi trong phát triển du lịch tỉnh Bắc Giang. Bảo tồn giá trị văn hóa dân tộc Nùng, Dao phục vụ xây dựng mô hình làng văn hóa du lịch ở huyện Lục Ngạn, Sơn Động, góp phần phát triển du lịch tỉnh Bắc Giang. Nghiên cứu, đề xuất mô hình quản lý, khai thác giá trị đền thờ tiến sĩ Thân Nhân Trung, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên trong phát huy truyền thống hiếu học, khoa bảng, phát triển giáo dục của tỉnh Bắc Giang hiện nay.

Nghiên cứu giải pháp phòng ngừa và giải quyết ngừng việc tập thể trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đánh giá thực trạng và nguyên nhân ngừng việc tập thể trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn tỉnh. Xây dựng mô hình phòng ngừa hạn chế ngừng việc tập thể tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; đề xuất các giải pháp phòng ngừa và giải quyết ngừng việc tập thể trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu giải pháp phát triển nhanh và bền vững ngành dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030; thực trạng hoạt động tín ngưỡng và giải pháp nâng cao vai trò quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh. Suu tầm, nghiên cứu, biên soạn, biên tập, số hóa Văn kiện Đảng bộ tỉnh Bắc Giang toàn tập. Nghiên cứu, biên soạn sách Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Giang, tập III (2005-2020). Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh và HĐND các huyện, thành phố tỉnh Bắc Giang nhiệm kỳ 2021-2026 và nhiệm kỳ tiếp theo.

Mô hình hóa một số nội dung giảng dạy môn Toán cấp Trung học cơ sở. Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng việc dạy và học môn Toán gắn với thực tiễn của giáo viên và học sinh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Mô hình hóa một số nội dung số học, đại số và hình học theo khối lớp 6, 7, 8, 9. Đề xuất nhóm giải pháp đồng bộ trong dạy học mô hình hóa Toán học ở cấp THCS trên địa bàn tỉnh. Thực nghiệm sư phạm một số bài giảng dựa trên tài liệu mô hình hóa tại 04 trường trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu xây dựng hệ thống học liệu khai thác trực tuyến để hỗ trợ giáo viên, học sinh cấp tiểu học.

*- Lĩnh vực sở hữu trí tuệ:*

Xây dựng và quản lý nhãn hiệu chứng nhận “Vân hương mỹ tửu” cho sản phẩm rượu của xã Vân Hà, huyện Việt Yên. Xây dựng được hệ thống tổ chức, hệ thống các phương tiện, điều kiện để quản lý, khai thác giá trị nhãn hiệu chứng nhận “Vân hương

mỹ tửu”. Bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “Vân hương mỹ tửu”. Xây dựng được mô hình thí điểm quản lý sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Vân hương mỹ tửu”.

Xây dựng quản lý nhãn hiệu chứng nhận “Nhãn chín muộn Yên Thế” dùng cho sản phẩm quả nhãn chín muộn của huyện Yên Thế. Xây dựng được bộ hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Nhãn chín muộn Yên Thế”. Xây dựng được hệ thống tổ chức, hệ thống các phương tiện, điều kiện để quản lý, khai thác giá trị nhãn hiệu chứng nhận “Nhãn chín muộn Yên Thế”. Bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “Nhãn chín muộn Yên Thế”. Xây dựng được mô hình thí điểm quản lý sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Nhãn chín muộn Yên Thế”.

Triển khai xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa” cho sản phẩm quả trám đen của huyện Hiệp Hòa và nhãn hiệu chứng nhận “Lạc Hiệp Hòa” cho sản phẩm lạc nhân và lạc giống của huyện Hiệp Hòa. Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Lạc Hiệp Hòa” cho sản phẩm lạc nhân và lạc giống của huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xây dựng, phát triển chỉ dẫn địa lý “Lục Ngạn” dùng cho sản phẩm cam của huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

*- Lĩnh vực công nghệ thông tin:*

Nghiên cứu, xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho một số sản phẩm chủ lực tỉnh Bắc Giang. Xây dựng Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm chủ lực tỉnh Bắc Giang. Xây dựng mô hình thí điểm áp dụng truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm vải thiều Lục Ngạn và rượu Làng Vân.

Nghiên cứu đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp. Đề xuất giải pháp nâng cao trình độ và năng lực công nghệ sản xuất các doanh nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, định hướng năm 2030. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm dạng web cập nhật trực tuyến về đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất các doanh nghiệp.

Nghiên cứu xây dựng phần mềm đánh giá áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Xây dựng nền tảng ứng dụng di động tập trung thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

*- Lĩnh vực khác:*

Nghiên cứu thực trạng sử dụng một số thuốc bảo vệ thực vật thường dùng, chất lượng môi trường và sức khỏe người dân vùng trồng cây ăn quả huyện Lục Ngạn. Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng điện tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp quản lý và ứng dụng có hiệu quả, bền vững các công trình điện mặt trời áp mái trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Nghiên cứu xử lý tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong đất trồng cây ăn quả tại huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp để giảm thiểu nguy cơ gây mất an toàn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Ứng dụng khoa học và công nghệ để sản xuất keo nhiệt rắn MUF-E1.M13 chất lượng cao dùng cho sản xuất ván gỗ dán đáp ứng nhu cầu xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Nghiên cứu, ứng dụng hệ thống thông gió thông minh “Smart air” nhằm



cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, giảm thiểu nguy cơ lây lan dịch bệnh tại các xưởng sản xuất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### **4.3. Kết quả triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở**

Trong 6 tháng đầu năm, Sở KH&CN triển khai 39 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh. Đến thời điểm này các nhiệm vụ thực hiện đúng tiến độ đề ra.

## **5. Hợp tác quốc tế về KH, CN & ĐMST**

Phối hợp với Chính phủ Hàn Quốc triển khai Dự án “Ứng dụng công nghệ Hàn Quốc để sản xuất giống khoai tây sạch bệnh và phát triển chuỗi giá trị khoai tây bền vững tại Việt Nam” do Chính phủ Hàn Quốc việc trợ không hoàn lại<sup>8</sup>. Tham dự buổi làm việc với các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại Hoa Kỳ<sup>9</sup>. Tham mưu đề xuất nội dung với Australia, Italia.

## **6. Công tác thông tin và thống kê KH&CN**

Cập nhật, quản lý và vận hành về công nghệ thông tin của Sở KH&CN: quản lý máy chủ để vận hành thường xuyên, thông suốt mạng LAN, Internet của Sở theo quy định, khắc phục các sự cố mạng khi xảy ra; Biên tập, cập nhật 4 trang website trên hệ thống cổng thông tin của Sở KH&CN, gồm: skhcn.bacgiang.gov.vn; batex.vn; thongtinkhcn.com.vn; nhiemvukhcn.bacgiang.gov.vn; Cập nhật các văn bản chỉ đạo, kế hoạch, tuyên truyền phổ biến các văn bản, chính sách pháp luật<sup>10</sup>.

Phối hợp tuyên truyền hoạt động KH&CN trên Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Bắc Giang; Báo, Tạp chí Trung ương; xây dựng clip tuyên truyền về hoạt động KH&CN trên Trang thông tin điện tử tổng hợp của Sở; tổ chức Hội nghị, Hội thảo truyền thông đến cơ sở và người dân<sup>11</sup>.

Hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê ngành KH&CN năm 2022 gửi Cục Thông tin KH&CN Quốc gia theo thông tư số 15/2018/TT-BKH&CN ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc Quy định Chế độ Báo cáo thống kê ngành KH&CN.

Triển khai Kế hoạch triển khai Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 26/6/2021 của UBND tỉnh phát triển nguồn tin KH&CN giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang gồm: Xây dựng Kế hoạch số 15/KH-KH&CN ngày 19/01/2022 của Sở KH&CN thực hiện Kế hoạch số 292/KH-UBND

<sup>8</sup> Địa điểm triển khai: Tại Trung tâm Ứng dụng KH&CN Bắc Giang là đơn vị trực thuộc Sở.

<sup>9</sup> Sở KH&CN có bài phát biểu trao đổi về nội dung “Tiềm năng, cơ hội hợp tác đầu tư giữa tỉnh Bắc Giang với các tổ chức, doanh nghiệp Hoa Kỳ về chế biến, bảo quản nông sản và chuyên giao công nghệ”.

<sup>10</sup> Duy trì hoạt động mạng LAN, WAN; Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp Sở KH&CN; Biên tập, cập nhật trang thông tin điện tử của Sở (skhcn.bacgiang.gov.vn), với số lượng tin, bài hoạt động ngành KH&CN: 144 tin, bài viết, bài sưu tầm; Cập nhật: 160 văn bản chỉ đạo điều hành; chương trình; kế hoạch; tuyên truyền phổ biến văn bản, chính sách pháp luật, dự thảo VBQPPL, các nội dung khác theo Nghị định 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ; Lịch công tác của Lãnh đạo Sở; Biên tập, cập nhật trang sản giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến (batex.vn): 38 tin, bài; 10 ảnh sản phẩm công nghệ và thiết bị; Biên tập và cập nhật trang thông tin phục vụ nông nghiệp nông thôn (thongtinkhcn.com.vn): 30 tin, bài kỹ thuật, 23 ảnh, 64 bài sưu tầm;

<sup>11</sup> Xây dựng 5 chuyên trang, 01 báo xuân 2022 trên báo Bắc Giang; 5 chuyên mục trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Giang; 01 Bài trên tạp Sông Thương; Xây dựng 02 Clip theo Quý.

ngày 26/6/2021 của UBND tỉnh phát triển nguồn tin KH&CN giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, kết quả đã triển khai các nội dung công việc sau: Nhập CSDL lên trang [nhiemvukhcn.bacgiang.gov.vn](http://nhiemvukhcn.bacgiang.gov.vn), triển khai các thủ tục cần thiết để mua máy scan phục vụ số hóa CSDL KH&CN.

## **7. Tình hình thực hiện các cơ chế và chính sách quản lý KH, CN & ĐMST; triển khai cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập**

Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư liên tịch Bộ Tài chính-Bộ Khoa học và Công nghệ số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước,... Sở KH&CN Bắc Giang chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập của Sở thực hiện xây dựng dự toán ngân sách theo quy định; tham mưu rà soát danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi chức năng nhiệm vụ của Sở quản lý và đã được phê duyệt tại Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực KH&CN đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và tình hình thực tế tại địa phương. Bảo đảm chất lượng dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị triển khai theo các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Chỉ đạo đơn vị SNCL xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế sử dụng tài sản, quy chế dân chủ cơ sở, quy chế công khai tài chính, ...theo quy định của pháp luật. Đồng thời chỉ đạo đơn vị sự nghiệp xây dựng phương án tự chủ đảm bảo một phần chi thường xuyên của đơn vị. Kết quả năm 2022 được cấp có thẩm quyền giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính tự đảm bảo một phần chi thường xuyên với tỷ lệ giao là 35% (Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025). Chỉ đạo các đơn vị thực hiện quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước theo đúng quy định.

Thực hiện hướng dẫn các đơn vị xây dựng dự toán đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch Bộ Tài chính-Bộ Khoa học và Công nghệ số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước, theo đó việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN được thực hiện khoán chi từng phần tạo điều kiện cho các tổ chức chủ

trì, chủ nhiệm nhiệm vụ chủ động trong việc sử dụng kinh phí được giao khoán và thực hiện đạt hiệu quả kinh phí giao khoán đảm bảo về yêu cầu theo nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## 5. Hoạt động khác

Thực hiện giao chỉ tiêu kế hoạch, kinh phí hoạt động sự nghiệp KH&CN cho 10 UBND các huyện, thành phố và các phòng, đơn vị trực thuộc Sở năm 2022. Đồng thời thực hiện cấp phát kinh phí để triển khai các nhiệm vụ KH&CN cho các đơn vị sử dụng kinh phí sự nghiệp KH&CN.

Công tác tiếp dân định kỳ của Sở KH&CN được thực hiện theo thông báo lịch tiếp công dân của Sở từ đầu năm 2022. Theo đó, vào ngày 15 hàng tháng Giám đốc Sở sẽ tiếp công dân tại trụ sở Sở KH&CN. Bên cạnh việc tiếp công dân theo lịch, lãnh đạo Sở chỉ đạo thanh tra Sở tiếp công dân thường xuyên, đột xuất để kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc kiến nghị, phản ánh của công dân liên quan đến chức năng quản lý Nhà nước của ngành KH&CN. Kết quả, trong 6 tháng đầu năm 2022 không có công dân đến Sở KH&CN đề nghị được tiếp theo quy định.

Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh: Trong 6 tháng đầu năm, đơn vị không có khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Đối với việc thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch UBND giao làm rõ nội dung đơn của Công ty Oganica Hongkong (Ủy quyền qua Công ty Luật TNHH T&G - thuộc Đoàn luật sư Hà Nội) đã kết thúc, do đơn vị này đã thực hiện rút đơn.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Sở KH&CN chủ trì, triển khai 02 cuộc thanh tra chuyên ngành<sup>12</sup>. Nhìn chung công tác thanh tra diễn ra đúng kế hoạch và cơ bản thuận lợi. Các đối tượng được thanh tra, kiểm tra cơ bản chấp hành tốt các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, về sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán hình ảnh trong y tế. Tuy nhiên, qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện 03 vụ vi phạm (02 tổ chức, 01 cá nhân). Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành, đoàn thanh tra đã tiến hành lập 03 biên bản vi phạm hành chính, ra 03 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 tổ chức và 01 cá nhân. Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính 03 vụ là 19 triệu đồng, đã được các đối tượng nộp đầy đủ vào NSNN.

Ngoài ra, Sở đã phối hợp với Cục An toàn bức xạ và hạt nhân tiến hành thanh tra an toàn bức xạ tại Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ khoa học AE, địa chỉ: số 18, thôn Lực, xã Tân Mỹ, TP Bắc Giang. Kết quả, đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với hành vi không thực hiện đúng quy trình đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm định với số tiền là 9 triệu đồng.

Tổ chức 02 hội nghị tập huấn công tác KH&CN tại địa phương, phổ biến một số tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp tại huyện Sơn Động và huyện Tân Yên, cho tổng số 200 đại biểu tham dự.

<sup>12</sup> Thanh tra việc chấp hành pháp luật về đo lường đối với 06 tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn trên địa bàn tỉnh; thanh tra việc chấp hành pháp luật về an toàn bức xạ đối với 05 cơ sở y tế sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán hình ảnh

Tổ chức trao giải cho 20 tác giả, nhóm tác giả đạt Giải thưởng Báo chí về KH&CN tỉnh Bắc Giang lần thứ nhất nhân chào mừng ngày KH&CN Việt Nam 18/5. Theo đó gồm: 01 giải A, 02 giải B, 04 giải C, 08 giải khuyến khích, 05 giải phụ.

Triển khai nhân giống và trồng 400 bầu cây sâm nam; trồng và chăm sóc 500 cây dưa lưới trong nhà lưới và 1000 cây dưa lưới trong nhà màng trên giá thể bầu hữu cơ và trồng trên đất có điều tiết trọng lượng quả và độ Brix.

Thực hiện tăng lương thường xuyên cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo đúng quy định. Phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn quan tâm đến chế độ, chính sách cho người lao động đảm bảo cho người lao động yên tâm công tác.

Thực hiện tốt công tác văn thư, lưu trữ; công tác bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự, tạp vụ cơ quan đảm bảo an toàn, vệ sinh. Mua sắm các trang thiết bị tạo điều kiện cho cán bộ làm việc thuận lợi, hiệu quả.

Thực hiện nghiêm công tác CCHC, tiếp tục rà soát TTHC, các quy trình ISO để phù hợp với các văn bản QPPL mới ban hành; duy trì hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa của Sở và hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Thực hiện tốt Đề án “Xây dựng Bộ chỉ số và triển khai đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố, giai đoạn 2020-2025”.

## **2. Đầu tư tăng cường tiềm lực KH, CN&ĐMST**

Năm 2022, Sở KH&CN được phê duyệt dự án “Nâng cao năng lực Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2023” với mục tiêu đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang nhằm nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm trong hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo, hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ, cung cấp dịch vụ kỹ thuật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, đáp ứng yêu cầu hoạt động khoa học và công nghệ, góp phần phục vụ hiệu quả cho sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh trong thời gian tới. Thời gian thực hiện dự án từ năm 2021-2023. Tổng mức đầu tư dự án là 30.600,04 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh.

Đến thời điểm này Năm 2022, đơn vị được giao vốn để thực hiện dự án với tổng kinh phí là 12.200 triệu đồng (trong đó: Năm 2021 giao vốn chuẩn bị đầu tư: 200 triệu đồng và Năm 2022 được giao 12.000 triệu đồng).

Công trình đã được khởi công và đảm bảo tiến độ, kinh phí giải ngân 6 tháng đầu năm 2022 là 4.495,595 triệu đồng đạt 37,5% dự toán giao đầu năm.

## **3. Tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2022**

### **3.1. Tình hình thu ngân sách**

- Dự toán giao: 1.632 triệu đồng, trong đó:
- + Phí, lệ phí: 92 triệu đồng.
- + Thu hoạt động dịch vụ, thu khác: 1.540 triệu đồng.

- Ước thực hiện 06 tháng đầu năm: 761 triệu đồng đạt 46,6% dự toán giao.
- + Phí, lệ phí: 21,5 triệu đồng.
- + Thu hoạt động dịch vụ, thu khác: 739,5 triệu đồng.

### **3.2. Tình hình thực hiện chi ngân sách**

Sau khi cấp có thẩm quyền giao kinh phí năm 2022, Sở KH&CN thực hiện phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị thực hiện theo đúng quy định.

Đồng thời đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện dự toán đảm bảo đúng quy định, kết quả thực hiện cụ thể như sau:

- Kinh phí chuyển nguồn từ năm 2021 chuyển sang: 9.419,3 triệu đồng.
- Dự toán giao đầu năm: 47.548 triệu đồng.
- Kinh phí được phép sử dụng trong năm: 56.967,3 triệu đồng.
- Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022: 31.024 triệu đồng đạt 45% số kinh phí được phép sử dụng trong năm, gồm:
  - + Quản lý nhà nước: 5.986 triệu đồng.
  - + Chi sự nghiệp khoa học: 20.462 triệu đồng.
  - + Chi đầu tư phát triển: 4.576 triệu đồng.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

## **II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **1. Khó khăn, vướng mắc**

Sở KH&CN đã có nhiều cố gắng, chủ động trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, thể hiện ở các kết quả cụ thể như: Hoàn thành tiến độ chỉ tiêu kinh tế xã hội được giao; tổ chức triển khai việc tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản đảm bảo chất lượng, thời gian theo quy định. Công tác quản lý thực hiện các nhiệm vụ KH&CN được tăng cường, đẩy nhanh tiến độ từ tư vấn, xét duyệt, kiểm tra, nghiệm thu, đăng ký và giao nộp sản phẩm các nhiệm vụ KH&CN cơ bản đảm bảo theo kế hoạch đề ra; công tác thanh tra, kiểm tra về KH&CN đã có hiệu quả tích cực... Công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, kiểm định, kiểm nghiệm hàng hóa; quản lý công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ hạt nhân... được tăng cường chỉ đạo có hiệu quả góp phần vào mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội chung của tỉnh nói riêng và của cả nước nói chung. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, Sở KH&CN gặp một số khó khăn và hạn chế:

- Hiện nay, NSNN dành cho KH&CN cấp địa phương không đảm bảo 2% trở lên trong tổng chi ngân sách theo Khoản 1 Điều 49 Luật KH&CN ngày 18/6/2013, đặc biệt là NSNN dành cho chi đầu tư phát triển cho KH&CN còn hạn chế; có nhiệm vụ KH&CN thực hiện khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, tuy nhiên vẫn phải tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu nên chưa thực sự tháo bỏ rào cản trong thanh quyết toán, dẫn đến việc khoán chi còn mang tính hình thức.

- Chưa có văn bản hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch công tác hàng năm bố trí kinh phí dành cho hoạt động KH&CN theo các Đề án; Kế hoạch được phê duyệt.

- Thủ tục thanh quyết toán các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở còn phức tạp (quy trình, thủ tục thanh quyết toán áp dụng giống như các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp quốc gia; nhiều thủ tục, giấy tờ, thiếu quy định cụ thể hướng dẫn việc áp dụng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng) nên gây khó khăn cho chủ nhiệm vụ trong quá trình triển khai thực hiện và thanh quyết toán kinh phí.

- Theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 "Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu KH&CN" ảnh hưởng đến huy động vốn thực hiện nhiệm vụ KH&CN và không khuyến khích cán bộ cơ sở nghiên cứu khoa học.

- Trong quá trình triển khai nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN đối với việc mua sắm các tài sản, nguyên vật liệu có sử dụng NSNN phục vụ các nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt theo Luật KH&CN thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu, gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện nhiệm vụ do nhiều nhiệm vụ KH&CN cần thực hiện theo đúng thời vụ.

- Chất lượng, hiệu quả hoạt động nghiên cứu, triển khai, ứng dụng các thành tựu KH&CN vào sản xuất và đời sống chưa đồng đều trong các lĩnh vực, chưa trọng tâm vào một số lĩnh vực như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới. Còn có nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia phải dừng thực hiện do không đảm bảo tính khả thi. Một số dự án KH&CN cấp quốc gia, cấp tỉnh chậm tiến độ cần phải gia hạn thời gian thực hiện. Công tác phối hợp chỉ đạo, tổ chức triển khai nhân rộng các thành tựu KH&CN mới, các mô hình KH&CN có hiệu quả vào thực tiễn sản xuất và đời sống còn hạn chế.

- Thu ngân sách còn hạn chế.

- Tại Điều 16 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 30/12/2015 của liên Bộ KH&CN và Bộ Tài chính: Xử lý đối với trường hợp nhiệm vụ không hoàn thành có yêu cầu tổ chức chủ trì có trách nhiệm nộp hoàn trả NSNN đối với phần kinh phí của nhiệm vụ đã sử dụng theo tỷ lệ quy định, khi được xác định trong hai trường hợp nhiệm vụ KH&CN không hoàn thành do nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan. Tuy nhiên, Thông tư chưa quy định rõ việc xác định nhiệm vụ KH&CN không hoàn thành do hai nguyên nhân trên là thuộc trách nhiệm của đơn vị nào; do đó cơ quan quản lý nhiệm vụ còn gặp khó khăn trong việc ra quyết định xử lý.

- Chưa có văn bản của Trung ương ban hành cụ thể quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở và xử lý tài sản đối với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN.

- Trong việc triển khai các nhiệm vụ KH&CN được hỗ trợ kinh phí từ nhiều nguồn NSNN, các cơ quan chủ trì gặp khó khăn trong việc thực hiện bước trình

cấp thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu chung đối với các gói thầu sử dụng nhiều nguồn vốn NSNN (bao gồm cấp TW, cấp tỉnh).

- Chưa ghi thành mục chi riêng kinh phí dành cho hoạt động thông tin KH&CN trong mục lục ngân sách nhà nước hàng năm cho KH&CN của bộ, ngành, địa phương để thực hiện Quyết định số 1285/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Phát triển nguồn tin KH&CN phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Chưa ghi thành mục chi riêng kinh phí dành cho hoạt động thực hiện Đề án khung bảo tồn nguồn gen trong mục lục ngân sách nhà nước hàng năm cho KH&CN của bộ, ngành, địa phương.

## **2. Đề xuất, kiến nghị**

Xuất phát từ những khó khăn, hạn chế nêu trên Sở KH&CN Bắc Giang đề xuất một số nội dung cụ thể như sau:

### **2.1. Đối với Quốc hội**

Đề nghị Bộ KH&CN phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất Quốc hội chỉnh sửa, bổ sung một số văn bản như sau:

- Sửa đổi, bổ sung Luật KH&CN theo hướng tháo gỡ điểm nghẽn trong cơ chế tài chính; đơn giản hóa thủ tục tạm ứng, thanh toán, quyết toán đề tài, dự án để các nhà khoa học dành toàn bộ thời gian, tâm trí cho lao động, sáng tạo và nghiên cứu khoa học (Điều 51, 52, 53 Luật KH&CN).

- Sửa đổi Điểm c Khoản 1 Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 cho phép ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã được chi nghiên cứu KH&CN để khuyến khích cơ sở làm nghiên cứu khoa học.

- Sửa đổi Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 theo hướng: Không quy định việc mua sắm các tài sản, nguyên vật liệu có sử dụng NSNN phục vụ các nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt theo Luật KH&CN thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu, do nhiều nhiệm vụ KH&CN cần thực hiện theo đúng thời vụ, đảm bảo tiến độ thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, trong quá trình triển khai đã có bước thẩm định kinh phí của nhiệm vụ KH&CN của Hội đồng chuyên môn thực hiện.

### **2.2. Đối với Bộ KH&CN**

Đề nghị Bộ KH&CN phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, sửa đổi, bổ sung các quy định để tháo gỡ các vướng mắc của địa phương như sau:

- Đề xuất Chính phủ bố trí NSNN dành cho KH&CN cấp địa phương đảm bảo 2% trở lên trong tổng chi ngân sách hàng năm theo Khoản 1 Điều 49 Luật KH&CN ngày 18/6/2013, đặc biệt ưu tiên chi đầu tư phát triển cho KH&CN để đáp ứng yêu cầu trong thời đại phát triển hiện nay.

- Đối với Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 liên Bộ Tài chính, Bộ KH&CN: Bổ sung quy định tỷ lệ đối ứng nguồn kinh phí

ngoài ngân sách nhà nước của các tổ chức khi tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN.

- Đối với Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 30/12/2015 của liên Bộ KKH&CN và Bộ Tài chính: Bổ sung quy định bộ phận có trách nhiệm xác định nhiệm vụ KH&CN không hoàn thành do nguyên nhân khách quan hay chủ quan.

- Ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch công tác hàng năm bố trí kinh phí dành cho hoạt động KH&CN theo các Đề án; Kế hoạch được phê duyệt.

- Đề nghị ghi thành mục chi riêng kinh phí dành cho hoạt động thông tin KH&CN trong mục lục ngân sách nhà nước hàng năm cho KH&CN của bộ, ngành, địa phương để thực hiện Quyết định số 1285/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Phát triển nguồn tin KH&CN phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và kinh phí dành cho hoạt động thực hiện Đề án khung bảo tồn nguồn gen trong mục lục ngân sách nhà nước hàng năm cho KH&CN của bộ, ngành, địa phương.

- Ban hành hướng dẫn cụ thể việc xử lý tài sản đối với các nhiệm vụ KH&CN.

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu chung đối với các gói thầu sử dụng nguồn vốn NSNN (bao gồm cấp TW, cấp tỉnh).

- Ban hành Hướng dẫn quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Bộ KH&CN đã tổ chức hội thảo 02 lần, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại chưa thấy ban hành).

### **III. NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM**

#### **1. Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng**

Tham mưu ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ áp dụng hệ thống, công cụ quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn và áp dụng truy xuất nguồn gốc trình UBND tỉnh tháng 10/2022 và trình HĐND tỉnh tháng 12/2022.

Tiếp tục triển khai các Kế hoạch: Kế hoạch số 409/KH-UBND ngày 30/8/2021 triển khai Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng vao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Kế hoạch số 408/KH-UBND ngày 26/6/2021 của UBND tỉnh nâng cao năng suất và chất lượng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 16/8/2020 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.

Triển khai các nội dung tiếp theo của hoạt động giải thưởng chất lượng quốc gia có hiệu quả nhằm nâng cao hình ảnh của doanh nghiệp trên thương trường.



Tiếp tục thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp về hoạt động chuyên môn như: hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, xây dựng nhãn hàng hóa, đăng ký mã số mã vạch, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, thông báo và trả lời hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại...

## **2. Hoạt động sở hữu trí tuệ, sáng kiến**

Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp hàng hóa. Tăng cường hoạt động quảng bá và xác lập quyền sở hữu công nghiệp để xây dựng thương hiệu cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của tỉnh. Hỗ trợ đăng ký bảo hộ một số sản phẩm chủ lực trong và ngoài nước. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện và sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận đối với nông sản hàng hóa. Củng cố, phát triển các thương hiệu đã có và hỗ trợ xây dựng các thương hiệu mới. Tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Dừa Lạng Giang”.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành “Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng của tỉnh trong thực thi, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ”.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 488/KH-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Thực hiện xét, công nhận phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến cấp tỉnh khi có hồ sơ đề nghị.

Phối hợp với các huyện, thành phố tổ chức hội nghị giao ban KH&CN năm 2022.

## **3. Hoạt động quản lý công nghệ và thị trường công nghệ**

Tiếp tục tăng cường tổ chức thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành có liên quan tổ chức thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư, công nghệ lò đốt rác thải sinh hoạt. Trên cơ sở đó tham mưu UBND tỉnh lựa chọn, cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho các dự án có công nghệ tiên tiến, không gây ô nhiễm môi trường và có nội dung chuyển giao công nghệ phù hợp với điều kiện của tỉnh, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh thu hút đầu tư. Kiên quyết không cấp phép cho những dự án đầu tư có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường và gây thất thoát, lãng phí cho nhà đầu tư. Rút ngắn thời gian theo quy định khi thực hiện các thủ tục liên quan đến dự án đầu tư.

Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Công Thương, UBND các huyện, thành phố kiểm tra, giám sát các lò đốt rác thải trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả Sàn giao dịch công nghệ-thiết bị của tỉnh. Triển khai thực hiện hiệu quả các kế hoạch: Kế hoạch phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ năm 2021; Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025 và Đề án phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2030.

Tiếp tục thẩm định cấp Giấy chứng nhận tổ chức KH&CN; giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ; cấp giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ; cấp giấy phép sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục triển khai các Kế hoạch, đề án: Kế hoạch phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ năm 2021; Kế hoạch số 564/KH-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án Phát triển thị trường KH&CN tỉnh Bắc Giang đến năm 2030.

#### **4. Hoạt động nghiên cứu ứng dụng**

Tiếp tục tham mưu ban hành kế hoạch phát triển KH&CN của tỉnh; đổi mới phương thức lựa chọn, xác định các nhiệm vụ KH&CN theo hướng gắn trách nhiệm giữa cơ quan quản lý, cơ quan nghiên cứu - chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp và các ngành, địa phương từ khâu xác định nhiệm vụ, tổ chức triển khai thực hiện, đánh giá và tổ chức nhân rộng kết quả KH&CN vào thực tiễn sản xuất.

Tiếp tục tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN triển khai năm 2022 nhằm giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện. Đồng thời tổ chức hội đồng nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN đến thời gian kết thúc.

Thực hiện tiếp nhận phiếu đề xuất của các đơn vị, tham mưu lựa chọn danh mục nhiệm vụ KH&CN và tổ chức họp các hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ; Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp; thẩm định kinh phí các nhiệm vụ KH&CN bắt đầu thực hiện năm 2023.

#### **5. Hoạt động khác**

Tiếp tục cấp phát kinh phí cho các đơn vị sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học, phân đấu giải ngân 100% kinh phí được giao năm 2022, hạn chế chuyển nguồn NSNN. Thực hiện 100% chỉ tiêu kinh tế-xã hội được giao tại Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh. Triển khai đảm bảo đúng tiến độ dự án “Nâng cao năng lực Trung tâm ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2023”.

Thực hiện triển khai quy hoạch phát triển KH&CN đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh có hiệu quả. Tiếp tục thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy của Sở. Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm cho người đứng đầu năm 2022 đảm bảo đúng tiến độ.

Triển khai bình xét thi đua, khen thưởng, nâng lương thường xuyên cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đảm bảo đúng quy định. Phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn quan tâm đến chế độ, chính sách cho người lao động đảm bảo cho người lao động yên tâm công tác.

Tiếp tục thực hiện nghiêm công tác cải cách hành chính, tiếp tục rà soát thủ tục hành chính, các quy trình ISO để phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành; duy trì hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa của Sở và hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Thực hiện tốt Đề án “Xây dựng Bộ chỉ số và triển khai đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố, giai đoạn 2020-2025”.

Duy trì hoạt động của 03 trang: Trang thông tin điện tử của Sở (skhcn.bacgiang.gov.vn), trang sàn giao dịch công nghệ và thiết bị (batex.vn), trang thông tin phục vụ nông nghiệp nông thôn (thongtinkhcn.com.vn).

Thực hiện có hiệu quả Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến tỉnh Bắc Giang”. Tiếp tục phát triển hệ thống thông tin KH&CN đến cơ sở, hoạt động ngày càng hiệu quả, phục vụ đắc lực nhu cầu thông tin cho các nhà quản lý, người dân, doanh nghiệp, rút ngắn khoảng cách giữa nghiên cứu, thực nghiệm và sản xuất, đời sống, nhằm đáp ứng nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin.

Tiếp tục phối hợp với Đài PT&TH tỉnh xây dựng chuyên mục “KH&CN với cuộc sống”; với Báo Bắc Giang xây dựng chuyên trang “Khoa học và Công nghệ”. Xây dựng clip về hoạt động KH&CN trên Trang thông tin điện tử của Sở KH&CN. Thực hiện tốt công tác thống kê KH&CN. Lưu trữ các kết quả đề tài, dự án KH&CN đã được nghiệm thu theo quy định và thực hiện cấp giấy chứng nhận cho các nhiệm vụ KH&CN. Đẩy mạnh hoạt động kiểm định, thử nghiệm theo đúng quy định. Tổ chức hội nghị giao ban KH&CN năm 2022 và ngày thành lập ngành KH&CN tỉnh Bắc Giang 19/10.

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thanh tra, phòng chống tham nhũng theo kế hoạch đã đề ra. Trong đó triển khai 04 cuộc thanh tra theo kế hoạch năm 2022, gồm: Thanh tra 02 đề tài KH&CN, thanh tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vàng trang sức mỹ nghệ, thanh tra các hợp tác xã dịch vụ điện.

Tiếp tục thực hiện rà soát thủ tục hành chính, tham mưu thực hiện theo hướng tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp khi triển khai thực hiện. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ. Cập nhật kịp thời các thủ tục hành chính mới, công khai và kiểm soát việc giải quyết thủ tục hành chính. Trang bị đầy đủ các trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu công việc bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận các dịch vụ công tại Trung tâm phục vụ Hành chính công của tỉnh.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 26/6/2021 của UBND tỉnh phát triển nguồn tin KH&CN giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Tiếp tục thực hiện xây dựng mô hình chuyên đổi số cấp xã tại UBND xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên và UBND xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn.

## **B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH SỰ NGHIỆP KH&CN NĂM 2023**

### **I. Xây dựng dự toán thu NSNN**

#### **1. Phí, lệ phí**

- Tổng thu: 101 triệu đồng.
- Số nộp ngân sách nhà nước: 15 triệu đồng.
- Số được để lại: 86 triệu đồng.

## 2. Thu sự nghiệp

- Tổng thu: 1.690 triệu đồng.
- Số nộp ngân sách nhà nước: 34 triệu đồng.
- Số được để lại: 1.656 triệu đồng.

## II. Xây dựng dự toán chi NSNN

Nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của ngành khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang, Sở KH&CN xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 với tổng số kinh phí là 342.234 triệu đồng, gồm:

### 1. Chi quản lý hành chính

Căn cứ vào số biên chế của Sở được giao, các văn bản hướng dẫn về chế độ tiền lương và tình hình thực tế của đơn vị, Sở KH&CN Bắc Giang dự toán kinh phí quản lý nhà nước cho năm 2023 là 19.570 triệu đồng, trong đó kinh phí tự chủ là 7.029 triệu đồng, kinh phí không tự chủ là 12.541 triệu đồng.

### 2. Chi sự nghiệp KH&CN

Theo hướng dẫn của Bộ KH&CN và căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động sự nghiệp KH&CN của toàn tỉnh, Sở KH&CN xây dựng dự toán chi cho hoạt động sự nghiệp KH&CN năm 2023 là 64.553 triệu đồng.

### 3. Chi đầu tư phát triển KH&CN

Căn cứ vào các quyết định đã được phê duyệt và kế hoạch phát triển KT-XH của tỉnh, Sở KH&CN xây dựng kế hoạch kinh phí đầu tư tăng cường tiềm lực cho KH&CN năm 2023 với tổng kinh phí là 258.111 triệu đồng.

*(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)*

Trên đây là kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Sở KH&CN tỉnh Bắc Giang báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ KH&CN;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thanh Bình**

**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2021 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-KHCN ngày /6/2022 của Sở KH&CN)*

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị chủ trì, tác giả</b>	<b>Tóm tắt nội dung</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học</b>			<b>Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh sách ISI, Scopus</b>
<b>II</b>	<b>Sáng chế, giải pháp hữu ích; các loại giống mới; các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới</b>			<b>Ngày, tháng, năm (nộp đơn, tiếp nhận đơn, công nhận của Cơ quan có thẩm quyền)</b>
<b>III</b>	<b>Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành</b>			
1	Công ty TNHH Cơ khí Hùng Thảo			- Địa chỉ: Thôn Cầu Xi, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên - ĐKKD: 2400796213 cấp ngày 3/10/2017 - Giấy chứng nhận: 01/2021/DNKHCN ngày 29/01/2021 - Nhân lực: 44
2	Công ty Cổ phần Cơ khí			- Địa chỉ: Cụm CN Thọ

	Thương mại Hợp Tiến			Xương, TP Bắc Giang - ĐKKD: 2400284730 cấp ngày 27/12/2014 - Giấy chứng nhận: 02/2021/DNKHCN cấp ngày 05/3/2021 - Nhân lực: 25
3	Công ty Cổ phần đầu tư và Thương mại HHK			- Địa chỉ: Thôn Hương Thịnh, xã Quang Minh, huyện Hiệp Hòa - ĐKKD: 2400874133 cấp ngày 02/11/2020 - Giấy chứng nhận: 03/2021/DNKHCN cấp ngày 20/9/2021 - Nhân lực: 40
4	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu VIFOCO			- Địa chỉ: 85 đường Nguyễn Văn Cừ, P.Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang - ĐKKD: 2400397730 ngày 09/01/2019 - Giấy chứng nhận: 04/2021/DNKHCN cấp ngày 25/11/2021 - Nhân lực: 37
5	Công ty TNHH Dược thảo Trường Thọ			- Địa chỉ: Thôn Đại Đồng, xã Đông Hưng, huyện Lục Nam - ĐKKD: 2400845767 cấp ngày 21/8/2018

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận: 05/2021/DNKHCN cấp ngày 16/12/2021</li> <li>- Nhân lực: 12</li> </ul>
6	Công ty TNHH Một thành viên Thiên An			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: số 108, đường Đào Sư Tích, p. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang</li> <li>- ĐKKD: 2400402229 cấp ngày 22/3/2019</li> <li>- Giấy chứng nhận DNKHCN: 01/2022/DNKHCN ngày 28/4/2022</li> <li>- Nhân lực: 28</li> </ul>
7	Công ty Cổ phần tập đoàn FEC			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, Đ. Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang</li> <li>- ĐKKD: 2400813620 cấp ngày 3/9/2020</li> <li>- Giấy chứng nhận: 02/2022/DNKHCN ngày 19/5/2022</li> <li>- Nhân lực: 23</li> </ul>
<b>IV</b>	<b>Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điện hình</b>			
<i>1</i>	<i>Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển</i>			<i>Tên sản phẩm, nhiệm vụ KH&amp;CN; tình hình thực hiện</i>

	<i>thông qua các nhiệm vụ KH&amp;CN</i>			
1.1	Sản phẩm nhãn chín muộn của huyện Yên Thế	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuộc Dự án: Xây dựng quản lý nhãn hiệu chứng nhận “Nhãn chín muộn Yên Thế” dùng cho sản phẩm quả nhãn chín muộn của huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.</li> <li>- Mục tiêu: Sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Nhãn chín muộn Yên Thế”, góp phần duy trì danh tiếng sản phẩm và nâng cao đời sống người dân vùng sản xuất, kinh doanh sản phẩm quả nhãn chín muộn của huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhãn hiệu chứng nhận “Nhãn chín muộn Yên Thế” dùng cho sản phẩm quả nhãn chín muộn của huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang được Cục Sở Hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận.</li> </ul>
1.2	Sản phẩm vú sữa của huyện Tân Yên	Viện Nghiên cứu rau quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuộc Dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình phát triển giống vú sữa Tân Yên, tỉnh Bắc Giang</li> <li>- Mục tiêu: Phát triển và tạo vùng sản xuất vú sữa hàng hóa, tập trung tại huyện Tân Yên, góp phần chuyển dịch cơ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển mở rộng diện tích trồng vú sữa trên địa bàn huyện Tân Yên</li> </ul>



			cầu cây trồng và nâng cao hiệu quả sử dụng đất, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho bà con nông dân của huyện Tân Yên.	
1.3	Sản phẩm quả trám đen của huyện Hiệp Hòa	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa	<p>- Thuộc Dự án: Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Trám đen Hiệp Hòa” cho sản phẩm quả Trám đen của huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.</p> <p>- Mục tiêu: Sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận Trám đen Hiệp Hòa” góp phần duy trì danh tiếng sản phẩm và nâng cao đời sống người dân vùng sản xuất, kinh doanh sản phẩm quả trám huyện Hiệp Hòa.</p>	- Nhãn hiệu chứng nhận “trám đen Hiệp Hòa” dùng cho sản phẩm quả trám đen của huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang được Cục Sở Hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận.
1.4	Sản phẩm lạc nhân và lạc giống của huyện Hiệp Hòa	Công ty TNHH Nghiên cứu, ứng dụng và quản lý KH&CN trí tuệ Việt Nam.	<p>- Dự án: Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Lạc Hiệp Hòa” cho sản phẩm lạc nhân và lạc giống của huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.</p> <p>- Mục tiêu: Sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Lạc Hiệp Hòa”</p>	- Nhãn hiệu chứng nhận “Lạc Hiệp Hòa” dùng cho sản phẩm lạc nhân và lạc giống của huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang được Cục Sở Hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận.

			góp phần duy trì danh tiếng sản phẩm và nâng cao đời sống người dân vùng sản xuất, kinh doanh sản phẩm lạc huyện Hiệp Hòa.	
1.5	Sản phẩm cam của huyện Lục Ngạn	Trung tâm nghiên cứu và phát triển hệ thống nông nghiệp	Dự án: Xây dựng, phát triển chỉ dẫn địa lý “Lục Ngạn” dùng cho sản phẩm cam của huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. - Mục tiêu: Sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ xây dựng, quản lý, phát triển chỉ dẫn địa lý “Lục Ngạn” dùng cho sản phẩm cam của huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, góp phần duy trì danh tiếng sản phẩm và nâng cao đời sống người dân vùng sản xuất, kinh doanh sản phẩm cam của huyện Lục Ngạn.	Chỉ dẫn địa lý “Lục Ngạn” dùng cho sản phẩm cam của huyện Lục Ngạn được đăng ký bảo hộ.
2	<b><i>Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp</i></b>			<b><i>Ghi rõ kết quả, hiệu quả thực hiện, kèm theo tên nhiệm vụ KH&amp;CN; kinh phí thực hiện (chia rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; từ bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp, quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác</i></b>

3	<i>Dự án đầu tư trang thiết bị, công nghệ; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu</i>			<i>Đánh giá tình hình thực hiện, số kinh phí và nguồn (trong đó ghi rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; của bộ, ngành, địa phương; từ doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và nguồn khác</i>
3.1	Dự án “Nâng cao năng lực Trung tâm ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2023”	Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Giang	Đầu tư trang thiết bị và cơ sở vật chất nhằm nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang, đáp ứng yêu cầu hoạt động khoa học và công nghệ, phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.	<p>-Phê duyệt tại các quyết định:</p> <p>+ Quyết định số 2624/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc Phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực Trung tâm ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025</p> <p>+ Quyết định số 118/QĐ-KHCN ngày 05/4/2022 của Giám đốc Sở KH&amp;CN Bắc Giang về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án: Nâng cao năng lực Trung tâm Ứng dụng KH&amp;CN tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2023.</p> <p>-Dự án được hỗ trợ từ nguồn</p>

				Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh với tổng kinh phí là 30.600,04 triệu đồng (Tính đến năm 2022 đã được bố trí vốn là 12.200 triệu đồng).
<b>V</b>	<b>Kết quả khác</b>	<b>Không có</b>		

**Phụ lục II**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỔI BẬT NĂM 2021 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-KHCN ngày /6/2022 của Sở KH&CN)*

TT	Tên sản phẩm/công trình/công nghệ	Xuất xứ (ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ...)	Hiệu quả kinh tế-xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường)	Ghi chú
1	Quy trình kỹ thuật xét nghiệm sinh học phân tử phát hiện các tác nhân virus, tubella, parvo B19, Herps6, adeno và vi rút đường ruột gây sốt phát ban tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	Thuộc đề tài cấp tỉnh: Nghiên cứu xác định một số căn nguyên vi rút gây hội chứng sốt phát ban tại tỉnh Bắc Giang.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả nghiên cứu là cơ sở giúp cho các nhà quản lý, chuyên môn có chiến lược và biện pháp phòng và điều trị hiệu quả đối với HCSPB do vi rút trên địa bàn tỉnh, làm giảm số mắc và tử vong giúp giảm gánh nặng bệnh tật cho gia đình và xã hội, đồng thời giảm thiểu nguy cơ dịch bệnh do vi rút gây HCSPB, góp phần ổn định tình hình trật tự xã hội, phát triển kinh tế của tỉnh.</li> <li>- Góp phần vào sự phát</li> </ul>	Đề tài nghiệm thu năm 2021

			<p>triển khoa học công nghệ, triển khai các kỹ thuật xét nghiệm vi sinh hiện đại tại các cơ sở y tế.</p> <p>- Nâng cao năng lực hoạt động chuyên môn, đặc biệt trong hoạt động chẩn đoán phát hiện căn nguyên gây bệnh do vi rút bằng kỹ thuật tiên tiến hiện đại, kỹ thuật sinh học phân tử-khuếch đại gen của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.</p>	
2	Quy trình ương nuôi giống và nuôi thương phẩm cá Trắm đen và cá rô phi đơn tính phù hợp với nuôi trong ao đất trên địa bàn Bắc Giang.	Thuộc dự án KH&CN cấp quốc gia thuộc Chương trình NTMN: Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình ương và nuôi thương phẩm cá Trắm đen và cá rô phi đơn tính được sản xuất bằng công nghệ lai khác loài tại Bắc Giang	- Dự án được triển khai không chỉ đem lại hiệu quả cho đơn vị chủ trì, các hộ dân tham gia phối hợp mà đã góp phần thay đổi nhận thức, tập quán của người dân, tạo công ăn việc làm cho người dân vùng triển khai dự án. Đồng thời tạo niềm tin và thói quen ứng dụng khoa học công nghệ,	Dự án được nghiệm thu năm 2021.

			<p>đào tạo nguồn nhân lực xây dựng nông thôn mới.</p> <p>- Mô hình nuôi ương cá giống và nuôi thương phẩm Trắm đen trong ao tại tỉnh Bắc Giang rất có ý nghĩa, khi mà nguồn cá tự nhiên trên sông, hồ ngày càng cạn kiệt do đánh bắt quá mức của người dân sống bằng nghề đánh bắt tự nhiên. Mô hình thành công góp phần đa dạng các giống loài nuôi cho người dân trong tỉnh. Góp phần khai thác tối đa nguồn lợi mặt nước trên địa bàn tỉnh mà hiện nay tiềm năng này còn rất lớn.</p> <p>- Có thể khẳng định bằng công nghệ mới áp dụng tiến bộ kỹ thuật cao (giống, ao nuôi, vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường...), sẽ bỏ</p>	
--	--	--	---	--

			<p>sung vào cơ cấu vật nuôi của tỉnh Bắc Giang một mô hình nuôi cá bền vững và có hiệu quả kinh tế nổi trội so với các mô hình nuôi khác, là cơ sở để khai thác tốt điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội của tỉnh.</p>	
3	<p>Quy trình công nghệ sản xuất dưa lê (Super 007 Honey) ứng dụng công nghệ cao trong nhà lưới, sử dụng giá thể và hệ thống cung cấp dinh dưỡng tự động.</p>	<p>Thuộc dự án KH&amp;CN cấp tỉnh: Ứng dụng tiến bộ KH&amp;CN xây dựng mô hình sản xuất dưa lê Hàn Quốc (Super 007 Honey) theo chuỗi tại huyện Yên Dũng, Bắc Giang (tháng 9)</p>	<p>- Mô hình thành công không những giúp bà con nông dân sản xuất đạt hiệu quả kinh tế hơn mà còn cải thiện được chính sức khỏe của người lao động và hạn chế sự ô nhiễm môi trường do việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón.</p> <p>- Đề tài thành công sẽ là mô hình để bà con nông dân tham quan, học tập và đây là cơ sở khoa học để triển khai rộng rãi ra các địa phương khác trong tỉnh Bắc Giang. Giúp bà con</p>	<p>Dự án được nghiệm thu năm 2021</p>



			<p>nông dân sản xuất dựa lê đạt tiêu chuẩn VietGAP với lợi ích kinh tế cao và an toàn với người sử dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả thực hiện của dự án tạo ra một hướng đi mới trong sản xuất dựa lê an toàn với hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.</li> <li>- Tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người nông dân trong việc sản xuất và tận thu các phụ phẩm từ quả dừa, vỏ lạc, vỏ trấu được đưa vào sử dụng.</li> <li>- Tăng doanh thu cho các doanh nghiệp sản xuất giá thể, thông qua đó tăng phần thu ngân sách cho Nhà nước.</li> </ul>	
4	<p>Chuyển giao và tiếp nhận 08 quy trình kỹ thuật 2 giống lúa chất lượng QJ1 và CNC11: - Quy trình kỹ thuật sản xuất giống lúa</p>	<p>Dự án KH&amp;CN cấp quốc gia thuộc chương trình NTMN Ứng dụng khoa học và công nghệ</p>	<p>Giá trị sản phẩm 1 ha sản xuất lúa giống và gạo chất lượng xuất khẩu cao so với trồng</p>	<p>Dự án được nghiệm thu năm 2021</p>

	<p>QJ1 nguyên chủng;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình kỹ thuật sản xuất giống lúa QJ1 xác nhận;</li> <li>- Quy trình kỹ thuật thâm canh lúa chất lượng QJ1 an toàn;</li> <li>- Quy trình kỹ thuật thu hoạch và chế biến gạo QJ1 thương phẩm đạt chất lượng;</li> <li>- Quy trình kỹ thuật sản xuất giống lúa CNC11 nguyên chủng;</li> <li>- Quy trình kỹ thuật sản xuất giống lúa CNC11 xác nhận;</li> <li>- Quy trình kỹ thuật thâm canh lúa chất lượng CNC11 an toàn;</li> <li>- Quy trình kỹ thuật thu hoạch và chế biến gạo CNC11 thương phẩm đạt chất lượng.</li> </ul>	<p>xây dựng mô hình sản xuất lúa, gạo chất lượng cao tại tỉnh Bắc Giang</p>	<p>lúa thông thường từ 15-20% triệu đồng/ha/vụ. Lợi nhuận thu được từ nghề trồng lúa giống và gạo chất lượng cao hơn sản xuất lúa truyền thống khoảng 20 - 30%.</p> <p>Dự án sau khi thực hiện có kết quả, được tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm, công bố, tuyên truyền, quảng bá rộng rãi trên thông tin đại chúng, sẽ là điểm trình diễn mô hình sản xuất mới về nông nghiệp có thu nhập cao để các địa phương, các vùng trong tỉnh tham quan, học tập và nhân rộng.</p> <p>Khả năng mở rộng của Dự án sẽ góp phần giải quyết lao động tại chỗ; đẩy mạnh phát triển ngành nghề sản xuất, kinh doanh lúa giống và gạo xuất khẩu.</p> <p>Từ mô hình ứng dụng</p>	
--	--	---	---	--

			<p>tiền bộ để thực hiện tích tụ vốn, kinh nghiệm, tri thức và kỹ thuật nhằm tiến tới sản xuất lúa gạo công nghệ cao phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.</p> <p>Tạo ra mối liên kết bốn nhà, làm cơ sở để ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào cuộc sống người dân lao động. Nhà nông tiếp cận với sản xuất nông nghiệp có hiệu quả và phát triển theo hướng quy mô hóa, chuyên môn hóa và thâm canh hóa, bước đầu thực hiện Nông nghiệp - Công nghiệp - Thương nghiệp phát triển bền vững, góp phần phát triển Nông thôn mới của tỉnh Bắc Giang./.</p>	
5	<p>- Tài liệu mô hình hóa: 05 nội dung Số học - Hình học lớp 6; 05 nội dung Số học - Đại số - Hình học lớp 7; 05 nội dung Đại số - Hình học lớp 8; 04 nội dung Đại số - Hình học lớp 9</p>	<p>Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh Mô hình hoá một số nội dung giảng dạy môn Toán cấp Trung học cơ sở</p>	<p>- Việc nghiên cứu đề tài là một hoạt động thiết thực góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục theo quan điểm của Đảng và</p>	<p>Nghiệm thu năm 2022</p>

	<p>- 16 bài giảng (04 bài giảng/01 khối) theo phương pháp mô hình hoá toán học ở mỗi mạch nội dung số học, đại số, hình học tương ứng kiến thức ở khối lớp 6, 7, 8, 9</p>		<p>Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm của đề tài là nguồn tài liệu hỗ trợ cho GV thiết kế bài giảng theo hướng “tinh giản, hiện đại” vì thế giúp GV tiết kiệm thời gian, công sức và chi phí đầu tư cho bài giảng.</li> <li>- Mở ra hướng nghiên cứu về những biện pháp nhằm hỗ trợ dạy – học toán gắn với thực tiễn.</li> <li>- Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giúp HS chuẩn bị tâm thế vững vàng bước vào giai đoạn giáo dục cao hơn – Trung học phổ thông – Giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề. Đó là cơ sở xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng đòi hỏi của xã hội, thúc đẩy sự phát</li> </ul>	
--	---	--	--	--

			triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của toàn xã hội.	
--	--	--	--	--

**Phụ lục III**  
**KẾT QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA NĂM 2021 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-KHCN ngày /6/2022 của Sở KH&CN)*

STT	Tên chương trình/Đề án	Chi tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đạt được	Đánh giá mức độ hoàn thành (%)	Lý do
1	Chương trình Nông thôn miền núi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển giao làm chủ các quy trình công nghệ, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, chế biến;</li> <li>- Đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho người dân; tăng cường trình độ chuyên môn và năng lực chỉ đạo sản xuất cho đội ngũ khuyến nông viên cơ sở là người địa phương, người dân tộc.</li> <li>- Đưa các tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng mô hình với các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên tiến phù hợp với địa phương.</li> <li>- Chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng một nền sản xuất hàng hoá tập trung. Gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ, khai thác lợi thế về các sản phẩm đặc thù của từng vùng sinh thái.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Góp phần xoá đói, giảm nghèo, ổn định và cải thiện đời sống, tiến tới phát huy, khai thác được thế mạnh, tiềm năng của từng vùng.</li> <li>- Chương trình NTMN đa dạng hóa các hình thức đào tạo, bồi dưỡng và đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về hiệu quả của các dự án thông qua các lớp tập huấn kỹ thuật, đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ kỹ thuật cơ sở và nông dân, hội nghị, hội thảo, xây dựng các bài viết, phóng sự chuyên đề.</li> <li>- Hình thành mạng lưới cán bộ kỹ thuật và mạng lưới cộng tác viên cơ sở có trình độ kỹ thuật 6 phù hợp, giúp địa phương chủ</li> </ul>	80%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc gắn kết giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn có lúc chưa chặt chẽ. Giá cả thị trường biến động gây ảnh hưởng đến giá thu mua nông sản.</li> <li>- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước còn hạn chế, người dân, doanh nghiệp phải huy động nguồn kinh phí khác đối ứng thực hiện nên gặp khó khăn về vốn (Địa bàn nông thôn miền núi hệ thống cơ sở hạ tầng kém phát triển và thiếu đồng bộ, đời sống vật chất, tinh thần của đa số dân cư còn thấp, trình độ dân trí và điều kiện tiếp cận với tiến bộ kỹ thuật còn nhiều hạn</li> </ul>

			<p>động tìm kiếm, lựa chọn và thực thi các dự án ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phù hợp.</p> <p>- Các dự án thuộc Chương trình NTMN cơ bản triển khai đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, có hiệu quả kinh tế - xã hội, hiệu quả về mặt khoa học và hiệu quả về môi trường. Việc thực hiện Chương trình NTMN đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội của địa phương, của vùng. Các dự án được đảm bảo nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách các địa phương và nguồn kinh phí đối ứng của các hộ dân, doanh nghiệp tham gia Chương trình.</p>		<p>chế nên nhiều tiến bộ kỹ thuật nông dân nghèo không có điều kiện tham gia)</p>
2	<p>Chương trình nhiệm vụ độc lập, cấp thiết cấp Quốc gia</p>	<p>- Giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn có tác động nâng cao trình độ công nghệ của địa phương về một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước</p>	<p>- Nghiên cứu xây dựng được các quy trình sản xuất, sử dụng phân bón chuyên dùng cho cây vải thiều</p> <p>- Xây dựng các mô hình liên kết nghiên cứu, sản xuất kinh doanh, sử dụng phân bón chuyên dùng cho cây vải thiều thời kỳ kinh doanh</p>	50%	- Đang triển khai thực hiện

	<p>được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Kết quả tạo ra bảo đảm được áp dụng và góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của địa phương về ngành, lĩnh vực.</li></ul>			
--	---	--	--	--



**Phụ lục IV**  
**NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KH&CN**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-KHCN ngày /6/2022 của Sở KH&CN)*

TT	Tên tổ chức nghiên cứu & phát triển	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN và cơ chế hoạt động	Nhân lực hiện có đến 30/6/2022					Kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên từ NSNN năm 2022 (tr.đ)	Ghi chú (công lập/ngoài công lập)	
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH						
				Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp/Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính/kỹ sư chính	Nghiên cứu viên/kỹ sư			Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên
1	2	3	4	5=6÷9	6	7	8	9	10	11
<b>I</b>	<b>Các đơn vị do cấp bộ, ngành, địa phương quyết định thành lập</b>		<b>111</b>	<b>111</b>	<b>0</b>	<b>07</b>	<b>62</b>	<b>42</b>		
1	Trung tâm ứng dụng KH&CN	-Số 19/ĐK-KHCN -Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Tỷ lệ giao tự chủ năm 2021: 30%)	23	23	0	0	23	0	4.070	Tổ chức công lập
2	Trung tâm quan trắc tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang	-Số 08/ĐK-KHCN -Tự đảm bảo chi thường xuyên (Tỷ lệ tự chủ năm 2021: 100%)	13	13	0	03	10	0		
3	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	-Số 15/ĐK-KHCN -Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Tỷ lệ giao tự	75	75	0	02	31	42		

		chủ năm 2021: 30%)								
<b>II</b>	<b>Các đơn vị do cấp khác thành lập được giao cho bộ, ngành, địa phương trực tiếp quản lý</b>		<b>41</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Trung tâm tư vấn, đầu tư phát triển KH&CN tỉnh Bắc Giang	Số 13/ĐK-KHCN	05	0	0	0	0	0	0	Tổ chức ngoài công lập
2	Trung tâm KHCNTN&MT Bagico	Số 09/ĐK-KHCN	05	0	0	0	0	0	0	
3	Trung tâm KH&CNMT Bắc Giang	Số 12/ĐK-KHCN	12	0	0	0	0	0	0	
4	Công ty TNHH MTV Cơ khí Tuyết Thành	Số 16/ĐK-KHCN	07	0	0	0	0	0	0	
5	Trung tâm thực nghiệm và chuyển giao công nghệ sinh học cơ sở II	Số 17/ĐK-KHCN	07	0	0	0	0	0	0	
6	Công ty TNHH nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ môi trường	Số 18/ĐK-KHCN	05	0	0	0	0	0	0	
	<b>Tổng số</b>		<b>152</b>	<b>111</b>	<b>0</b>	<b>07</b>	<b>62</b>	<b>42</b>		

**Phụ lục V**

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN NĂM  
2021 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-KHCN ngày /6/2022 của Sở KH&CN)*

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2021	6 tháng đầu năm 2022
<b>I</b>	<b>Số nhiệm vụ KH&amp;CN được triển khai</b>		<b>65<sup>13</sup></b>	<b>50<sup>14</sup></b>
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ		
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ	11	8
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ	12	19
4	Lĩnh vực y, dược	N.vụ	23	3
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ	16	17
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ	3	3
<b>II</b>	<b>Công tác đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ</b>			
1	Thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư	DA	31	40
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	HD		
3	Giám định công nghệ	CN		
<b>III</b>	<b>Công tác phát triển năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân</b>			
1	Số nguồn phóng xạ kín			
-	Số nguồn phóng xạ được lắp đặt mới	Nguồn		
-	Số nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	Nguồn		
2	Số thiết bị bức xạ được lắp đặt mới		03	03
-	Trong lĩnh vực y tế	Thiết bị	03	03
-	Trong lĩnh vực công nghiệp	Thiết bị		

<sup>13</sup> Gồm: 20 nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp tỉnh và 45 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

<sup>14</sup> Gồm: 16 nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp tỉnh và 34 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

-	Trong an ninh hải quan	Thiết bị		
3	Lượng đồng vị, dược chất phóng xạ được sử dụng trong Y tế	Curie (Ci)		
4	Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ	Dự án		
5	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ	Hợp đồng		
6	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở	14	10
7	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép	14	10
<b>IV</b>	<b>Công tác sở hữu trí tuệ</b>			
1	Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Hồ sơ	100	60
2	Số đơn nộp đăng ký	Đơn	356	88
3	Số văn bằng được cấp	Văn bằng	163	57
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Vụ	01	0
5	Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ	DA	08	10
6	Số sáng kiến, cải tiến được công nhận	SK	122	0
<b>V</b>	<b>Công tác thông tin và thống kê KH&amp;CN</b>			
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến,...)	Tài liệu/biểu ghi/CSDL		
2	Ấn phẩm thông tin đã phát hành	Ấn phẩm, phút		

2.1	Tạp chí/bản tin KH&CN/Lịch KH&CN	Tạp chí/bản tin/cuốn	6000 cuốn (Lịch KH&CN)	6000 cuốn (Lịch KH&CN)
2.2	Phóng sự trên đài truyền hình	Buổi phát	6	3
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu		
4	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN			
4.1	Nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành	N.vụ		
4.2	Nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký kết quả thực hiện	N.vụ	28	10
4.3	Nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng	N.vụ	05	01
5	Thống kê KH&CN			
5.1	Số cuộc điều tra/số phiếu thu được tương ứng	Số cuộc/số phiếu		
5.2	Báo cáo thống kê cơ sở	Báo cáo		
5.3	Báo cáo thống kê tổng hợp	Báo cáo	01	01
6	Kết quả khác (nếu nổi trội)			
<b>VI</b>	<b>Công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng</b>			
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện	937.961	200.944
2	Số lượng tiêu chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Tiêu chuẩn		
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Quy chuẩn		
4	Số đơn vị hành chính nhà nước đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015	Đơn vị	253	

5	Số cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Cuộc	02	01
6	Số mẫu được thử nghiệm và thông báo kết quả	Mẫu	349	76
<b>VII</b>	<b>Công tác thanh tra</b>			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc	02	02
2	Số lượt đơn vị thanh tra	Đơn vị	10	11
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý (nếu có)	Vụ		03
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ		19
<b>VIII</b>	<b>Hoạt động đổi mới công nghệ</b>			
1	Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp do các bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt	N.vụ		
2	Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ	Doanh nghiệp		
3	Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp		
4	Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng	Công nghệ		
5	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	HD		
6	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Tr.đ		
<b>IX</b>	<b>Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&amp;CN</b>			
1	Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
2	Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh	Người		

	nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ			
3	Kéo dài thời gian công tác	Người		
4	Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành	Người		
5	Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng	Người		
6	Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	Người		
<b>X</b>	<b>Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&amp;CN</b>			
1	Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KH&CN	Doanh nghiệp		
2	Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Cơ sở		
3	Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
5	Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyển đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Đơn vị		
<b>XI</b>	<b>Công tác phát triển thị trường KH&amp;CN</b>			

1	Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN trên thị trường	Tr.đ		
2	Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ trên giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN	%		
<b>XII</b>	<b>Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia</b>			
1	Số doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hình thành (doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới)	Doanh nghiệp		
2	Số lượng dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Dự án		
3	Số lượng doanh nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Doanh nghiệp		
4	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia gọi vốn được tự các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị	Doanh nghiệp/tổng giá trị		
5	Số lượng các tổ chức ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMSt			



**Phụ lục VI**  
**VĂN BẢN VỀ KH&CN ĐƯỢC BAN HÀNH NĂM 2021 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-KHCN ngày /6/2022 của Sở KH&CN)*

TT	Tên văn bản	Ngày tháng ban hành	Cơ quan ban hành		
			Bộ/Tỉnh ủy	HĐND	UBND
<b>I</b>	<b>Năm 2021</b>				
1	Chỉ thị số 1/CT-UBND ngày 21/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về tăng cường hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.	21/01/2021			X
2	Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 26/6/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.	26/6/2021			X
2	Kế hoạch số 408/KH-UBND ngày 29/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang nâng cao năng suất và chất lượng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.	29/8/2021			X
3	Kế hoạch số 488/KH-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.	05/10/2021			X
4	Kế hoạch số 564/KH-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.	04/11/2021			X
5	Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Phát triển thị trường KH&CN tỉnh Bắc Giang đến năm 2030	27/12/2021			X
6	Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh	19/3/2021			X

	về việc kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về đo lường đối với các đơn vị sử dụng phương tiện đo trong lĩnh vực y tế. Thực hiện báo cáo tình hình kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, thống kê cân đồng hồ lò xo, hướng dẫn các nội dung thực hiện kiểm tra nhà nước về đo lường cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.				
7	Kế hoạch số 409/KH-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh triển khai Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	30/8/2021			X
<b>II</b>	<b>6 tháng đầu năm 2022</b>				
1	Chỉ thị số 2/CT-UBND ngày 25/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	25/3/2022			X
2	Kế hoạch số 321/KH-UBND ngày 29/5/2022 của UBND tỉnh đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030	29/5/2022			X

**Phụ lục VII**  
**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CƠ CHẾ KHOẢN ĐỐI VỚI**  
**NHIỆM VỤ KH&CN NĂM 2021 VÀ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-KHCN ngày /6/2022 của Sở KH&CN)*

TT	Nội dung	Số nhiệm vụ triển khai		
		Tổng số	Khoản đến sản phẩm cuối cùng	Khoản từng phần
<b>I</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>65</b>
1	Cấp quốc gia, tỉnh	20	0	20
2	Cấp cơ sở	45	0	45
<b>II</b>	<b>06 tháng đầu năm 2022</b>	<b>50</b>		<b>50</b>
1	Cấp quốc gia, tỉnh	16	0	16
2	Cấp cơ sở	34	0	34

**Phụ lục VIII**

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN BỘ, CƠ  
QUAN TRUNG ƯƠNG, ĐỊA PHƯƠNG**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-KHCN ngày /6/2022 của Sở KH&CN)*

<b>Quyết định thành lập (số, ngày, tháng, năm)</b>	<b>Vốn điều lệ (tr.đ)</b>	<b>Hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay,...</b>		<b>Giải ngân</b>		<b>Ghi chú</b>
		<b>Nội dung</b>	<b>Tổng kinh phí (tr.đ)</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>06 tháng đầu năm 2022</b>	
		Tài trợ				
		Cho vay				
	<b>Không có nội dung báo cáo</b>	Bảo lãnh vốn vay				
		...				